

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09/12/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
(ly hôn)”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trúc Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thái

Bà Đàm Thị Thanh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình (ly hôn)”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1 - *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: ấp F, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2 - *Bị đơn:* Ông Triệu Si H, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:***

Bà Trần Thị Đ và ông Triệu Si H có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung là Triệu Chánh H1, sinh ngày 28/11/2001 và Triệu Yến L, sinh ngày 28/10/2003, hiện nay đều đã trưởng thành và tự lo cho bản thân. Trong thời gian chung sống lúc đầu bà và ông H hạnh phúc nhưng về sau thì ông, bà thường xảy ra mâu thuẫn, hiện nay bà Đ đã hết tình cảm với ông H nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố không công nhận bà và ông Triệu Si H là vợ chồng; Về con chung: 02 con là Triệu Chánh H1 và Triệu Yến L đã trưởng thành và tự lo cho bản thân nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu xem xét giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Triệu Si H trình bày:***

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Đ về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà Đ yêu cầu tuyên bố không công nhận ông, bà là vợ chồng thì ông H đồng ý. Về các con chung là Triệu Chánh H1 và Triệu Yến L đều đã trưởng thành và tự lo được cho mình nên ông không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu xem xét giải quyết.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình (ly hôn)” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Đ và ông Triệu Si H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng ông, bà lại không có đăng ký kết hôn, do vậy mối quan hệ hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông H phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông H không phải là vợ chồng, phía ông H cũng thống nhất.

Xét thấy, nền tảng của gia đình là sự thương yêu, tin tưởng, chăm sóc dành cho nhau giữa vợ và chồng nhưng ông, bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung như vợ chồng, đồng thời bà Đ và ông H không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Đ và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Đ và ông H là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ nuôi con chung:

Bà Trần Thị Đ và ông Triệu Si H có 02 người con chung là Triệu Chánh H1, sinh ngày 28/11/2001 và Triệu Yên L, sinh ngày 28/10/2003, hiện nay đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về phân chia tài sản chung và nợ chung:

Bà Trần Thị Đ và ông Triệu Si H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ đối với bị đơn ông Triệu Si H trong vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình (ly hôn)”:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị Đ và ông Triệu Si H là vợ chồng.

- Về con chung của bà Đ và ông H là: Triệu Chánh H1, sinh ngày 28/11/2001 và Triệu Yến L, sinh ngày 28/10/2003, hiện nay đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống riêng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005337 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà Đ đã nộp đủ tiền án phí. Ông Triệu Si H không chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã V, thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Trúc Phương**